

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo Trường Phát tại xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 6343/BTNMT-TCMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo của Tổng cục Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi heo Trường Phát” tại xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi heo Trường Phát” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH chăn nuôi Trường Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH chăn nuôi Trường Phát;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT<sub>2</sub>, Ni.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**“TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO TRƯỜNG PHÁT” TẠI XÃ TÂN THÀNH,**  
**HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**1. Thông tin về Dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên Dự án: Trang trại chăn nuôi heo Trường Phát
- Địa điểm thực hiện: xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH chăn nuôi Trường Phát
- Địa chỉ liên hệ: Số 144/1, đường Quang Trung, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

**1.2.1. Phạm vi Dự án:**

- Dự án được xây dựng trên diện tích 20,24 ha tại xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Vị trí, tọa độ các điểm khép góc của Dự án được giới hạn bởi các điểm như sau:

| STT   | Hệ tọa độ VN-2000  |          |
|-------|--|----------|
|       | Kinh tuyến trực 108 <sup>0</sup> 30', múi chiếu 3 <sup>0</sup> |          |
|       | X (m)  | Y (m)    |
| VT1   | 1369650,7  | 421202,9 |
| VT 2  | 1369692,3  | 421191,0 |
| VT 3  | 1369703,6  | 421247,2 |
| VT 4  | 1369724,5  | 421242,4 |
| VT 5  | 1369755,4  | 421397,8 |
| VT 6  | 1369708,8  | 421400,0 |
| VT 7  | 1369708,4  | 421475,3 |
| VT 8  | 1369663,9  | 421475,0 |
| VT 9  | 1369661,8  | 421574,7 |
| VT 10 | 1369649,2  | 421616,1 |
| VT 11 | 1369624,1  | 421648,0 |
| VT 12 | 1369570,6  | 421664,4 |
| VT 13 | 1369556,9  | 421664,4 |
| VT 14 | 1369452,6  | 421612,2 |
| VT 15 | 1369415,7  | 421590,6 |
| VT 16 | 1369398,5  | 421588,4 |

| STT   | Hệ tọa độ VN-2000<br>Kinh tuyến trực 108 <sup>0</sup> 30', múi chiều 3 <sup>0</sup> |          |
|-------|---|----------|
|       | X (m)   | Y (m)    |
| VT 17 | 1369379,4   | 421576,4 |
| VT 18 | 1369299,8   | 421557,4 |
| VT 19 | 1369304,1   | 421480,2 |
| VT 20 | 1369130,1   | 421446,6 |
| VT 21 | 1369095,5   | 421438,4 |
| VT 22 | 1369057,6   | 421417,0 |
| VT 23 | 1369050,7   | 421416,4 |
| VT 24 | 1369048,3   | 421410,9 |
| VT 25 | 1369046,3   | 421049,0 |
| VT 26 | 1369044,8   | 421400,5 |
| VT 27 | 1369042,3   | 421345,8 |
| VT 28 | 1369015,1   | 421331,0 |
| VT 29 | 1369013,2   | 421306,5 |
| VT 30 | 1369027,5   | 421254,6 |
| VT 31 | 1369056,2   | 421224,4 |
| VT 32 | 1369060,3   | 421222,2 |
| VT 33 | 1369066,7   | 421222,2 |
| VT 34 | 1369073,9   | 421215,9 |
| VT 35 | 1369078,9   | 421203,0 |
| VT 36 | 1369084,0   | 421070,8 |
| VT 37 | 1369148,6   | 421074,4 |
| VT 38 | 1369286,6   | 421100,1 |
| VT 39 | 1368388,2   | 421125,3 |
| VT 40 | 1369417,6   | 421114,7 |
| VT 41 | 1369521,1   | 421117,0 |
| VT 42 | 1369548,9   | 421234,1 |

### 1.2.2. Quy mô, công suất của Dự án:

- Quy mô sử dụng đất: 20,24 ha.
- Quy mô chăn nuôi lợn: chăn nuôi tập trung 20.000 con heo hậu bị/đợt nuôi từ 4,5 – 5 tháng. Mỗi năm nuôi 2 đợt nên số lượng heo hậu bị là 40.000 con/năm.
- Các hạng mục công trình: khu chuồng heo hậu bị; tổ hợp công; khu nhà ở, bếp, nhà ăn; khu nhà điều hành sát trùng; trạm bơm bể nước dự trữ sản xuất; nhà để máy tách phân, chứa phân; kho vôi; nhà xuất, nhập heo; hồ huỷ xác; hệ

thống xử lý nước thải; biogas; bể chứa phân; ao chứa nước sau xử lý, ao chứa nước mưa; trạm biến áp; kho chứa chất thải nguy hại (CTNH); kho chứa chất thải rắn (CTR) thông thường; hệ thống cây xanh tạo cảnh quan môi trường, xử lý ngăn mùi chăn nuôi; đường nội bộ.

### **1.3. Công nghệ sản xuất:**

Quy trình công nghệ chăn nuôi heo hậu bị được thể hiện như sau: Nhập heo cai sữa → Kiểm tra thú y → Phân loại, chăm sóc, nuôi dưỡng → Heo hậu bị → Xuất bán.

### **1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư**

- Tổng diện tích đất xây dựng dự án là 202.433 m<sup>2</sup>, bao gồm các hạng mục sau:

| <b>STT</b> | <b>Hạng mục</b>                      | <b>Kích thước (m)</b> | <b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b> |
|------------|--------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| <b>A</b>   | <b>Các hạng mục công trình chính</b> |                       | <b>28.052</b>                    |
| 1          | Nhà hậu bị                           | 20 nhà, 18x70         | 25.200                           |
| 2          | Nhà nuôi heo tân đảo                 | 7x10                  | 70                               |
| 3          | Nhà nhập heo                         | 2 nhà, 4x5            | 40                               |
| 4          | Nhà xuất heo                         | 2 nhà, 7x10           | 140                              |
| 5          | Khu mổ lâm sàng và lấy mẫu bệnh phẩm | 4x5                   | 20                               |
| 6          | Khu cách ly heo bệnh                 | 7x10                  | 70                               |
| 7          | Hầm huỷ xác                          | 6x12                  | 72                               |
| 8          | Đường dẫn heo có mái che             |                       | 60                               |
| 9          | Kho cám số 01                        | 7x25                  | 175                              |
| 10         | Kho hoá chất, Kho thuốc thú y        | 7x5                   | 35                               |
| 11         | Kho cơ khí                           | 7x10                  | 70                               |
| 12         | Kho dụng cụ                          | 7x10                  | 70                               |
| 13         | Kho cám số 02                        | 7x25                  | 175                              |
| 14         | Nhà bảo vệ                           | 5x7                   | 35                               |
| 15         | Nhà sát trùng xe                     | 4,5x16+2,5x8          | 92                               |
| 16         | Nhà chờ tiếp khách đường kính 6m     |                       | 28                               |
| 17         | Nhà để xe                            | 6x20                  | 120                              |
| 18         | Nhà cách ly nhân viên                | 8,5x10                | 85                               |
| 19         | Nhà kỹ thuật                         | 7x30                  | 210                              |
| 20         | Nhà ăn, nhà bếp                      | 8,5x20                | 170                              |
| 21         | Nhà công nhân 15 phòng               | 8,5 x55,5             | 471,75                           |
| 22         | Bể nước heo uống                     | 15x6x4                | 90                               |
| 23         | Nhà phơi đồ                          | 4x8                   | 32                               |
| 24         | Nhà điều hành                        | 9,4x32,5              | 305,5                            |
| 25         | Nhà điều hành dự phòng               | 9,4x11,5              | 108,1                            |
| 26         | Nhà nghỉ trưa                        | 9x12                  | 108                              |

| STT      | Hạng mục   | Kích thước (m) | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|----------|--|----------------|-----------------------------|
| <b>B</b> | <b>Các hạng mục công trình phụ trợ</b>   |                | <b>528</b>                  |
| 1        | Nhà đặt máy phát điện  | 8x14           | 112                         |
| 2        | Trạm điện 500kVA điện 3 pha  |                |                             |
| 3        | Tháp nước sinh hoạt 4m <sup>3</sup>  |                | 20                          |
| 4        | Tháp nước uống 20m <sup>3</sup>  |                | 20                          |
| 5        | Hồ nước lót bạt  | 3x10x15        | 150                         |
| 6        | Hố sát trùng xe  | 4x7            | 28                          |
| 7        | Khu sát trùng trước cổng, nhà, sân bê tông   | 5 x10; 5x20    | 150                         |
| 8        | Nhà sát trùng cổng phụ   | 4x12           | 48                          |
| <b>C</b> | <b>Hạng mục giao thông - Cây xanh</b>  |                | <b>141.815,5</b>            |
| <b>D</b> | <b>Hạng mục công trình bảo vệ môi trường</b>   |                | <b>32.037,5</b>             |
| 1        | Bể nước xả gôm   | 10x6x4         | 60                          |
| 2        | Tháp nước xả gôm 20m <sup>3</sup>  | 4x5            | 20                          |
| 3        | Hồ chứa nước xả gôm  | 3x10x15        | 150                         |
| 4        | Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải   | 5x10           | 50                          |
| 5        | Sân phơi bùn   | 10x15          | 150                         |
| 6        | Nhà để máy ép phân   | 7x25           | 175                         |
| 7        | Nhà để phân  | 7x25           | 175                         |
| 8        | Nhà để rác, kho chứa chất thải nguy hại  | 7x5            | 35                          |
| 9        | Hố thu gom đường kính 8,5m   |                | 57                          |
| 10       | Hầm biogas   | 35x75 x6       | 2.625                       |
| 11       | Hồ lắng  | 30x75 x6       | 2.250                       |
| 12       | Hồ điều hòa  | 35x75x6        | 2.625                       |
| 13       | Cụm bể sinh học và hóa lý xử lý nước thải (gồm: bể sinh học thiếu khí (2 bể), bể sinh học hiếu khí (2 bể), bể lắng sinh học, bể keo tụ, bể tạo bông, bể lắng hóa lý, bể khử trùng) | 14,7x25x5      | 367,5                       |
| 14       | Ao trữ nước sau XLNT 01  | 30x35 x6       | 1.050                       |
| 15       | Ao trữ nước sau XLNT 02  | 30x75 x6       | 2.250                       |
| 16       | Ao trữ nước sau XLNT 03  | 30x75 x6       | 2.250                       |
| 17       | Ao trữ nước sau XLNT 04  | 35x75x6        | 4.948                       |
| 18       | Ao trữ nước sau XLNT 05  | 90x135x6       | 12.800                      |
|          | <b>Tổng</b>  |                | <b>202.433</b>              |

### 1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:**

### **2.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

- Hoạt động dọn dẹp, giải phóng mặt bằng phục vụ thi công và hoạt động vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu thi công.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án (nêu tại mục 1.4). Các hoạt động nêu trên có khả năng tác động xấu đến môi trường như: phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải khác, CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH; ảnh hưởng đến hệ thống giao thông, cảnh quan, môi trường khu vực Dự án.

### **2.2. Giai đoạn vận hành**

- Hoạt động của 20 nhà nuôi heo hậu bị.

- Hoạt động xử lý phân và nước thải, xử lý mùi phát sinh.

Các hoạt động trên có phát sinh nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH, phát sinh mùi hôi. Các hoạt động này có nguy cơ gây ô nhiễm nước dưới đất, ô nhiễm môi trường đất, sự cố hệ thống XLNT tập trung ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường đất, nước, không khí khu vực Dự án.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Nước thải, khí thải**

#### **3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải**

##### **a) Trong giai đoạn thi công xây dựng**

- Hoạt động rửa bánh xe của phương tiện ra vào công trường thi công phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng 8,5 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích dự án với lưu lượng khoảng 24.076,11 m<sup>3</sup>/năm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường phát sinh với lưu lượng khoảng 1,35m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần: Các chất hữu cơ, N, P, BOD, TSS, Coliform,...

##### **b) Trong giai đoạn vận hành**

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân tại dự án phát sinh với lưu lượng khoảng 8 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần: Các chất hữu cơ, N, P, BOD, TSS, Coliform,...

- Hoạt động chăn nuôi heo tại dự án phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng 210,25 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần nước thải chủ yếu là: hàm lượng BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng N, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích dự án. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát.

### *3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải*

#### *a) Trong giai đoạn thi công xây dựng*

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án, bốc xếp, tập kết nguyên vật liệu, vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đất đá thải, phế thải phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>,...

- Hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công sử dụng dầu DO phát sinh bụi, khí thải với thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOCs,...

- Hoạt động sơn tường phát sinh khí VOCs; hoạt động hàn cắt để kết nối các kết cấu phát sinh khói hàn, khí thải với thành phần chủ yếu là khói hàn, CO, NO<sub>x</sub>,...

#### *b) Trong giai đoạn vận hành*

- Hoạt động chăn nuôi heo phát sinh chủ yếu là mùi hôi và các chất H<sub>2</sub>S, CH<sub>4</sub>, N<sub>2</sub>O, NH<sub>3</sub>,...

- Hoạt động ủ phân, lưu giữ chất thải phát sinh mùi hôi và các chất H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, CH<sub>4</sub>,...

- Hoạt động của Hệ thống XLNT tập trung công suất 300m<sup>3</sup>/ngày tại dự án phát sinh mùi hôi và chất H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, CH<sub>4</sub>,...

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy phát điện phát sinh chủ yếu là bụi và các chất SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOCs,...

- Hoạt động xử lý, chôn lấp heo chết: trong trường hợp có heo chết, không được xử lý kịp thời có thể phát sinh mùi hôi và các chất gây mùi khác.

### **3.2. Chất thải rắn, CTNH:**

#### *3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR sinh hoạt*

##### *a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:*

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên phục vụ Dự án phát sinh CTR sinh hoạt với khối lượng khoảng 15 kg/ngày với thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại,...

##### *b) Trong giai đoạn vận hành:*

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh CTR sinh hoạt với khối lượng khoảng 50 kg/ngày với thành phần chủ yếu gồm vỏ đồ hộp, pallet, giấy báo, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

#### *3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR thông thường*

##### *a) Giai đoạn thi công xây dựng*

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng phục vụ thi công phát sinh chất thải rắn



thông thường với khối lượng khoảng 226,69 tấn. Thành phần chủ yếu là cây bụi, cỏ, đất cát bám theo rễ cây,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh CTR thông thường với khối lượng khoảng 0,2 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: vật liệu rơi vãi, đất, đá, cát, gạch vỡ, bê tông thừa, vỏ bao bì, xà bần,...

*b) Giai đoạn vận hành*

- Hoạt động chăn nuôi heo phát sinh phân heo với khối lượng khoảng 24,48 tấn/ngày; Bao bì đựng thực ăn chăn nuôi với khối lượng khoảng 21,6 kg/ngày.

- Hoạt động của bể biogas phát sinh bùn thải với khối lượng khoảng 1.340 kg/ngày; hoạt động của Hệ thống XLNT tập trung phát sinh bùn thải với khối lượng khoảng 0,76 tấn/ngày.

*3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH*

*a) Giai đoạn thi công xây dựng*

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh CTNH với khối lượng: Giẻ lau dính dầu mỡ 5 kg/tháng; Dầu bôi trơn thải từ các bộ phận chuyên động thiết bị thi công 21 kg/tháng; bao bì đựng sơn 10kg/tháng, dung môi thải 2kg/tháng,...

*b) Giai đoạn vận hành*

- Hoạt động vận hành của Dự án phát sinh CTNH với tổng khối lượng khoảng 2.233,7 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì thuốc thú y, các vỉ, vỏ hộp thuốc tiêm phòng dịch, ồm cho lợn, dụng cụ thú y; bóng đèn huỳnh quang thải...

**3.3. Tiếng ồn, độ rung**

*a) Giai đoạn thi công xây dựng*

- Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu trong giai đoạn thi công xây dựng dự án bao gồm: Tiếng ồn từ các loại máy móc thi công (máy đào, máy đầm, máy ủi,...); Tiếng ồn từ hoạt động thi công hàn, cắt,...

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép của tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, quy định giới hạn tối đa các mức tiếng ồn tại các khu vực có con người sinh sống, hoạt động và làm việc.

- Nguồn phát sinh độ rung do hoạt động của các phương tiện, máy móc thi công chủ yếu là ô tô vận chuyên, máy đầm cóc, máy đầm, máy khoan, cầu trục ô tô, máy trộn bê tông, máy đào,... một số thiết bị như máy cắt uốn thép, máy hàn,...

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về độ rung.

*b) Giai đoạn vận hành*

- Nguồn phát sinh: Hoạt động chăn nuôi heo khi heo đói, mua bán heo,...; hoạt động của các loại máy móc phục vụ cho công tác trồng cây ăn quả tại Dự án.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép của tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, quy định giới hạn tối đa các mức tiếng ồn tại các khu vực có con người sinh sống, hoạt động và làm việc.

- Nguồn phát sinh độ rung do hoạt động của các phương tiện, máy móc chủ yếu là ô tô vận chuyển, máy ép phân,...

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**3.4 Các tác động khác:**

Các sự cố trong quá trình hoạt động như sự cố cháy nổ bể biogas; sự cố tai nạn lao động; sự cố điện giật; sự cố đối với công trình thu gom, xử lý nước thải; sự cố công trình xử lý khí thải,...

**4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:**

**4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:**

**4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:**

*a) Giai đoạn thi công xây dựng*

- Toàn bộ nước thải vệ sinh từ hoạt động của công nhân tại công trường thi công được thu gom vào nhà vệ sinh có bể tự hoại thể tích 25m<sup>3</sup>. Nhà vệ sinh này sẽ tiếp tục sử dụng trong giai đoạn vận hành của dự án.

- Quy trình:

+ Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại → Lưu chứa trong bể tự hoại (đến giai đoạn hoạt động sẽ dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án)

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe tại công trường được thu gom vào 01 hố lắng kích thước (2m x 2m x 5 m) để tách dầu và lắng cặn trước khi tái sử dụng rửa bánh xe trên công trường.

+ Quy trình xử lý: Nước rửa bánh xe → hố lắng → tách dầu → lắng cặn → tái tuần hoàn rửa bánh xe trên công trường.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực thi công được thu gom vào hệ thống mương, rãnh xung quanh Dự án chảy về hệ thống các hố lắng. Số lượng hố lắng tùy thuộc vào diện tích khu vực thi công, ước tính khoảng 700 m<sup>2</sup> đến 1.000m<sup>2</sup> bố trí 1 hố lắng.

- Nguồn tiếp nhận nước thải và nước mưa chảy tràn trong giai đoạn thi

công xây dựng là suối nhỏ gần dự án (Suối Đăk N'Drô phía Bắc dự án và suối cạn không tên phía Nam Dự án).

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

*b) Giai đoạn vận hành*

- Nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn thể tích 25 m<sup>3</sup>, sau đó được đầu nối về Hệ thống XLNT tập trung của dự án.

- Nước thải chăn nuôi: Phân, nước thải trong chuồng sẽ được thu gom bằng hệ thống mương kín bê tông cốt thép, hồ dầu chống thấm. Các mương nước thải bố trí dưới nền chuồng nhằm thuận tiện cho công tác thu gom và không bị ảnh hưởng bởi nước mưa. Tại đây lượng phân heo sẽ được lắng lại và được hút đưa vào máy ép phân, còn lượng nước sau lắng và nước thải phát sinh trong quá trình ép phân sẽ chảy về hầm Biogas.

Nước thải chăn nuôi và nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B với các hệ số  $K_q = 0,6$ ,  $K_f = 0,9$  trước khi tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích phù hợp trong phạm vi Dự án theo quy định của pháp luật;

Quy trình, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải: Nước thải chăn nuôi và nước thải sinh hoạt (qua bể tự hoại) → Hồ lắng → Hồ điều hòa → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Ao trữ nước sau xử lý (có đáy lót bằng màng chống thấm HDPE đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng) và tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích phù hợp trong phạm vi Dự án theo quy định của pháp luật.

*c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

- Thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

- Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Toàn bộ nước thải phát sinh (nước thải chăn nuôi và nước thải sinh hoạt) được thu gom và xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B với các hệ số  $K_q = 0,6$ ,  $K_f = 0,9$  trước khi tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích phù hợp trong phạm vi Dự án theo quy định của pháp luật. Không được phép xả thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố với hệ thống xử lý nước thải.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

#### 4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

##### a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Lắp đặt hàng rào bằng tôn cao 2m xung quanh khu vực công trường thi công các hạng mục công trình; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm;

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,... không để rơi rớt vật liệu;

- Phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định;

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh;

- Phun nước giảm bụi tối thiểu 02 lần/ngày vào những ngày trời không mưa;

- Bố trí 01 cầu rửa xe tại vị trí gần khu vực cổng ra vào của mỗi công trường để rửa sạch bùn đất bánh xe của các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường;

- Vệ sinh và phun enzym khử mùi định kỳ đối với các thùng chứa CTR sinh hoạt tại khu vực tập kết.

##### b) Giai đoạn vận hành

- Thu hồi khí sinh ra từ bể biogas, tận dụng chạy máy phát điện, nấu bếp, đun nóng nước phục vụ sát trùng và thanh trùng. Lượng khí Biogas dư sẽ được đốt bỏ bằng thiết bị đốt kín.

- Biện pháp giảm thiểu mùi tại Hệ thống XLNT tập trung:

+ Lắp đặt hàng rào gạch cao 2m có gắn kẽm gai cột BTCT bao quanh khuôn viên xung quanh.

+ Trồng cây tạo hành lang ngăn mùi xung quanh với chiều rộng hành lang tối thiểu là 10 m nhằm tạo dải phân cách, chắn gió, ngăn phát tán mùi, lọc mùi và tăng vẻ mỹ quan.

+ Cho chế phẩm vi sinh EM Pro 1 vào bể chứa nước thải theo tỉ lệ: 1 lít EM Pro 1 xử lý cho 100 lít nước thải. Hàng ngày bổ sung thêm chế phẩm theo lượng nước thải chảy vào bể chứa giúp giảm mùi hôi và khí độc hại.

- Biện pháp xử lý mùi của phân heo:

+ Phun chế phẩm vi sinh EM Pro 1 định kỳ 2 ngày/lần để làm giảm mùi

hôi và khí độc hại.

+ Sử dụng chế phẩm vi sinh EM Pro 1 để tưới đều vào quá trình ủ phân theo tỉ lệ 10 - 15 lít EM Pro 1 cho 1 tấn phân chuồng để thúc đẩy quá trình phân hủy của phân heo, giảm thiểu và ức chế các vi khuẩn gây mùi, gây bệnh.

- Đối với các khu vực khác:

+ Sử dụng chế phẩm vi sinh EM Pro 1 xử lý mùi hôi từ bể biogas theo tỉ lệ 1 lít EM Pro 1 cho 2 m<sup>3</sup> đến 3 m<sup>3</sup> chất thải để khử mùi hôi và tăng lượng gas.

*c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

- Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, mùi hôi phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Tiến hành trồng cây xanh với mật độ đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng xung quanh các công trình bảo vệ môi trường có phát sinh mùi hôi và những vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế mùi hôi, khí bụi, tiếng ồn lan tỏa ra môi trường xung quanh.

#### **4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH:**

*4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường:*

*a) Giai đoạn thi công xây dựng*

- Bố trí 02 thùng rác có dung tích 240 lít đặt tại cửa ra vào khu vực lán trại để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần;

- Toàn bộ sinh khối, CTR từ hoạt động phát quang cây cối được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định khi có phát sinh.

- CTR thông thường từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án: đối với các loại có thể tái chế, tái sử dụng như vụn sắt thép, bao bì xi măng... được thu gom, tái sử dụng hoặc bán phế liệu

*b) Giai đoạn vận hành*

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng chứa CTR sinh hoạt tại các khu vực trong khuôn viên trang trại. CTR sinh hoạt được thu gom về kho lưu giữ với diện tích là 10 m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với các loại CTR khác như các loại bao bì, thùng carton không chứa chất nguy hại (bao bì chứa nguyên liệu sản xuất thức ăn, bao bì chứa các thiết bị, dụng cụ chăm sóc, nuôi dưỡng heo,...) được phân loại và tập kết về kho lưu chứa có diện tích khoảng 35m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Phân heo cứng được thu gom tại chuồng khoảng 70% sẽ được xử lý qua máy ép phân, sau đó lưu chứa và hợp đồng chuyển giao cho đơn vị thu gom. Lượng phân heo còn lại không thu gom khô được (khoảng 30%) sẽ cùng với nước tiểu sẽ theo lượng nước dội rửa chuồng nuôi chảy xuống rãnh thu gom chất thải ở hai bên chuồng nuôi, sau đó chảy về hầm Biogas.

- Bùn từ hầm biogas và bùn sinh học: được bơm về máy ép phân, sau đó thu gom dưới dạng bùn khô và bán cho đơn vị có nhu cầu.

- Bùn hoá lý sẽ được thu gom về bể chứa bùn, sân phơi bùn trước khi hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với biện pháp xử lý loại thải heo chết do bệnh thông thường: được thu gom, xử lý bằng 01 hầm tiêu hủy xác với thể tích 288 m<sup>3</sup> thiết kế xây dựng bằng bê tông có nắp đậy kín, thiết kế hố gas thu gom nước rỉ từ quá trình hủy xác để bơm về hầm biogas xử lý, xác chết sau quá trình phân hủy được thu gom để ủ phân và xử lý trước khi làm phân bón theo quy định của ngành nông nghiệp.

#### *c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

#### *4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:*

##### *a) Giai đoạn thi công xây dựng*

- Bố trí các thùng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đủ số lượng để thu gom lưu giữ tạm thời CTNH phát sinh đặt trong kho cạnh khu vực Ban điều hành dự án và có diện tích 6 m<sup>2</sup>, kho có kết cấu đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định. CTNH được phân loại, phân định, dán nhãn và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

##### *b) Giai đoạn vận hành*

Đối với các loại CTNH như: bao bì thuốc thú y, các vỉ, vỏ hộp thuốc tiêm phòng dịch, ốm cho heo, dụng cụ thú y, bóng đèn huỳnh quang thải, bùn thải chứa thành phần nguy hại, chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại được phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển theo quy định tại Mục 4 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Phân loại CTNH bắt đầu từ thời điểm đưa vào khu vực lưu giữ CTNH.

- Các thùng có nắp đậy trong kho lưu giữ CTNH. Các thùng được dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH.

- Bố trí 01 nhà kho chứa CTNH với diện tích 30 m<sup>2</sup>, để lưu trữ các loại CTNH phát sinh. Nhà kho có mái che kín, mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định.

- Đối với heo chết do nghi ngờ bệnh có thể lây lan (bệnh trong và ngoài danh sách các bệnh truyền nhiễm theo quy định của Luật Thú y năm 2015) thì tiến hành tiêu độc sát trùng và tiêu hủy (chôn lấp). Hồ chôn đảm bảo tuân thủ QCVN 01-41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

*c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:**

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Sử dụng các máy xây dựng mới, chất lượng tốt, khả năng gây ồn thấp.
- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.
- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị giảm thanh, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Sắp xếp thời gian làm việc thích hợp theo đúng giờ lao động (không thi công từ 11h30 - 13h30 và buổi tối).

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng và vận hành đúng tốc độ tại từng khu vực nhằm đảm bảo không gây tiếng ồn cho môi trường xung quanh, hạn chế việc sử dụng còi trong khu vực Dự án.
- Lắp đặt máy phát điện đúng quy trình kỹ thuật để giảm ồn, chống rung và định kỳ vệ sinh, tra dầu mỡ;
- Yêu cầu các công nhân chăm sóc heo phải cho heo ăn đúng giờ, khẩu phần đầy đủ, cân đối, không được để heo quá đói sẽ gây ồn.

*c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các

quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

#### **4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:**

##### **4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

Công trình, phương án phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải:

- Trường hợp hệ thống XLNT bị sự cố, ảnh hưởng đến chất lượng nước sau xử lý không đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, nước thải sẽ được lưu chứa tại hồ lắng và hồ điều hòa trong thời gian khắc phục sự cố (02 hồ này có tổng thể tích 26.114 m<sup>3</sup>)

- Quy trình ứng phó sự cố: Khi hệ thống XLNT tập trung bị quá tải, bị tắc hoặc các thiết bị tự động bị hư hỏng cần thời gian sửa chữa, khắc phục thì nước thải được bơm về hồ lắng, bể điều hoà để lưu trữ tạm thời, đồng thời khoá van xả từ hầm biogas để nước thải lưu tại hầm biogas. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm trở lại hệ thống XLNT tập trung để tiếp tục quá trình xử lý, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống XLNT tập trung.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

##### **4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:**

###### **a) Sự cố lộn chét và dịch bệnh:**

Đối với các trường hợp lộn chét do nghi ngờ bệnh có thể lây lan (bệnh trong và ngoài danh sách các bệnh truyền nhiễm theo quy định của Pháp lệnh Thú Y), Chủ dự án báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định và tiến hành biện pháp xử lý tuân thủ QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

###### **b) Biện pháp giảm thiểu sự cố về thiên tai:**

- Xây dựng công trình đảm bảo theo các quy định, tiêu chuẩn về xây dựng để có thể chịu đựng được các điều kiện khắc nghiệt của gió bão.

- Thành lập đội phòng chống bão lụt, đội ứng cứu, cứu hộ tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phòng chống, ứng cứu khi có sự cố bão, lũ lụt xảy ra.

- Bố trí cán bộ trực ngày và đêm để phát hiện và khắc phục sớm những sự cố có thể xảy ra do thiên tai.

- Cắt tỉa cành cây trước mùa mưa bão, có biện pháp gia cố các cây lớn trong khuôn viên Dự án để giảm thiểu khả năng bị gãy đổ dưới tác động của gió trong bão, áp thấp nhiệt đới.



## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:**

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

### **5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:**

#### 5.1.1. Giám sát không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực xây dựng khu chăn nuôi và 01 vị trí tại khu vực cuối hướng gió của Dự án.
- Thông số giám sát: nhiệt độ, tiếng ồn, rung, bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong suốt giai đoạn thi công xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **5.2. Giai đoạn vận hành**

#### 5.2.1. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.
- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi, cột B với các hệ số K<sub>q</sub> = 0,6, K<sub>f</sub> = 0,9.

#### 5.2.2. Giám sát chất lượng nước dưới đất

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: giám sát 03 điểm tại 03 giếng khoan của dự án.
- Thông số giám sát: pH, Độ cứng tổng số (theo CaCO<sub>3</sub>), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tính theo N), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup> tính theo N), Coliform, E. Coli.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

### 5.2.3. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyên giao chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### 5.2.4. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác

- Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi) giám sát, phát hiện nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước thải và nước mưa, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC); an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

- Thường xuyên giám sát mùi hôi tại các vị trí gần nhất với các hộ dân xung quanh, đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ các hoạt động của Dự án để có phương án tăng cường, điều chỉnh thực hiện các biện pháp giảm thiểu được áp dụng.

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

- Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi đã thực hiện các thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, thuê đất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Quản lý và sử dụng hóa chất, thuốc thú y theo quy định của pháp luật; chỉ sử dụng các giống heo, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y được phép sử dụng và lưu hành tại Việt Nam trong quá trình thực hiện Dự án.

- Tuân thủ các quy định về phòng chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ môi trường sau khi đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.
- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ đối với công nhân viên làm việc cho Dự án.
- Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.